

Bản án số: 463/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30- 12- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiên Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 277/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Bùi Thị T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Số 399, tổ 11, ấp Phú Th A, xã Phú L, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Số 345, tổ 10, ấp Phú Th A, xã Phú L, huyện P, tỉnh An Giang.

(Chị T yêu cầu vắng mặt, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2009, chị và anh Nguyễn Văn Th tự nguyện chung sống, không tổ chức lễ cưới, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phú L (Giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 02/6/2016). Nguyên nhân mâu thuẫn: do thường xuyên cãi nhau do không phù hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Vu L, sinh ngày 13/6/2016, yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được đại diện Ban ấp Phu Th A cho biết: anh Nguyễn Văn Th có đăng ký hộ khẩu tại địa phương nhưng do làm thợ hồ nên thường không có mặt ở nhà, thường sáng đi chiều về. Vợ chồng chị T, anh Th không còn chung sống khoảng 03 năm nay, có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích Ng và Nguyễn Vu L không thấy sống chung với anh Th, nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Về con chung: cần giao cháu Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Vu L, sinh ngày 13/6/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản không có, không yêu cầu giải quyết và nợ chung không có nên không xem xét; về án phí, chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú L, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đề tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị T và anh Th có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu, đạt được mục đích thì phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết Th yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó, Tòa án đã triệu tập anh Th để tham gia hòa giải hai lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh đều từ chối nhận văn bản và không đến Tòa án để trình bày ý kiến, đã ly thân thời gian dài, chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, nên chấp nhận cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Trường hợp không thỏa thuận được việc nuôi con chung thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Vu L, sinh ngày 13/6/2016 do chị T đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, phù hợp với nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao 02 con chung cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về nợ chung:* Ghi nhận chị Bùi Thị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1. Về hôn nhân: chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 53, ngày 02/6/2016 do Ủy ban nhân dân xã Phú L, huyện P cấp không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bích Ng, sinh ngày 17/6/2010 và Nguyễn Vu L, sinh ngày 13/6/2016 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Th.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị Bùi Thị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005554 ngày 30/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Anh Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.